TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Nnh phúc**

Bản án số:104/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Ông Phan Văn Hoạt

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: 290/15 đường D, tổ dân phố P, phường T, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đỗ G, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: 190 V, tổ dân phố H, phường T, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Chị và anh Đỗ G tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011 và được Ủy ban nhân dân phường Cam Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2010 ngày 07/01/2011. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng anh chị bình thường, không có nhiều hạnh phúc.Nguyên nhân do anh G ham chơi, nghiện ma túy và không lo được về kinh tế chăm sóc con. Chị còn tình cảm nhưng không muốn chung sống với anh G, vì trong quá trình chung sống anh G từng rất nhiều lần đi cai nghiện nhưng

vẫn không cai được. Anh G gây ra rất nhiều vấn đề về tiền bạc lẫn về tình cảm làm rạn nứt cuộc hôn nhân này; bản thân anh G không thể đảm bảo cho con có một cuộc sống đầy đủ về tình cảm lẫn vật chất. Nay chị không muốn tiếp tục chung sống với anh G nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung Đỗ Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 19/4/2011. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị N. Về quan hệ hôn nhân: chị N được ly hôn anh G; về con chung: chị N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Quốc A, anh G không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: chị N phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn của chị N và anh G; Trích lục khai sinh cháu A; Sổ hộ khẩu đứng tên Nguyễn Tân Q; Giấy chứng minh nhân dân chị N; Giấy chứng nhận thương tích số 94/CN ngày 20/8/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực R; Đơn nguyện vọng của cháu A ngày 18/7/2018; Biên bản xác minh ngày 21/6/2018, 30/7/2018, 21/8/2018, 28/8/2018; Biên bản làm việc ngày 28/8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố R giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" giữa chị và anh Đỗ G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 26/11/2018, nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh G nhưng anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường Cam Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2010 ngày 07/01/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có nhiều hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng anh chị không thông cảm, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại Biên bản xác minh ngày 21/8/2018, chính quyền địa phương cung cấp: "Anh Đỗ G có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Thuận Thành - phường Cam Thuận - thành phố R. Đầu tháng 7/2018, anh G có đi cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa. Tầm giữa tháng 8/2018, anh G về lại nhà tại Thuận Thành - Cam Thuận." và ngày 28/8/2018: "Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Đỗ G địa phương không nắm được. Hiện tại, con chung của anh G và chị N là cháu Đỗ Nguyễn Quốc A - sinh ngày: 19/4/2011 đang sống cùng với mẹ là Nguyễn Thị Hồng N". Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh G đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng anh G không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của anh chị. Xét thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh G là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh G có 01 con chung Đỗ Nguyễn Quốc A - sinh ngày: 19/4/2011. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại, cháu A đang sinh sống với mẹ và cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao cháu Thành cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

<u>Tuyên xử:</u> Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Đỗ G.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đỗ Nguyễn Quốc A - sinh ngày: 19/4/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hồng N về việc không yêu cầu anh Đỗ G cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012400 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R.

5. Chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Đỗ G có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường T
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công